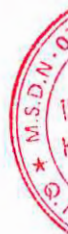


BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	12-13
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	14-47
Báo cáo thu nhập giữa niên độ	14
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ	17
Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ	18-19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	20
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	21-47

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 317/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là “Công ty Quản lý Quỹ”). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 53/GPDC-UBCK cấp ngày 28 tháng 6 năm 2023.

BAN ĐẠI DIỆN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Cedric Pierre Tinguely	Chủ tịch Ban đại diện
Ông: Nguyễn Cảnh Dương	Thành viên Ban đại diện
Bà: Đỗ Thị Thu Trang	Thành viên Ban đại diện

Các thành viên của Ban điều hành Quỹ trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bạch Thế Phong	Giám đốc Đầu tư
Ông: Hà Anh Tùng	Giám đốc Đầu tư

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 17 tháng 06 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Quỹ.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB với tư cách là Công ty Quản lý Quỹ của Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Quỹ trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán cho Quỹ được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết với Ban Đại diện Quỹ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Quỹ tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ

Bà Đỗ Thị Thu Trang

Thành viên Ban đại diện

Theo Giấy ủy quyền số 02/BMFF/GUQ

ngày 24 tháng 07 năm 2024 của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP

1.1 . Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship (“Quỹ”) là tối ưu mức sinh lời trong dài hạn thông qua việc đầu tư linh hoạt và hiệu quả vào các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao, cũng như các loại tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

1.2 . Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính giữa niên độ của Quỹ đã được soát xét, tính đến kỳ báo cáo, giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ tăng 53,15% so với giá trị tài sản ròng của Quỹ tại đầu kỳ báo cáo; NAV trên 1 đơn vị chứng chỉ Quỹ (“CCQ”) của Quỹ tăng 13,63% so với giá trị đầu kỳ báo cáo.

1.3 . Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ BMFF sẽ đầu tư tập trung các cổ phiếu tăng trưởng, theo đó:

- Quỹ xây dựng mục tiêu lợi nhuận cao thông qua việc đầu tư vào các doanh nghiệp tăng trưởng nhanh, đang trong giai đoạn chuyển mình và các cơ hội thoái vốn của các doanh nghiệp Nhà nước;
- Quỹ tập trung vào các doanh nghiệp với doanh thu cao hoặc có tăng trưởng lợi nhuận tối thiểu 15% so với kỳ trước;
- Quỹ hướng tới việc phân bổ danh mục theo định hướng của các ngành được hưởng lợi từ sự chuyển dịch của kinh tế vĩ mô và các chính sách, định hướng của nhà nước;
- Quỹ đầu vào công ty có hoạt động kinh doanh bền vững, định giá hấp dẫn và tỷ lệ cổ tức cao;
- Quỹ cũng định hướng tới việc quản lý theo cơ chế minh bạch và chủ động, thông qua việc xây dựng các báo cáo phân tích cơ bản được cập nhật thường xuyên về doanh nghiệp trong danh mục cũng như các hệ thống tiêu chí giới hạn của riêng mình và các hoạt động đánh giá định kỳ, chủ động của Hội đồng đầu tư;
- Quỹ sử dụng chiến lược phân bổ tài sản chủ động hợp lý theo từng thời kỳ nhằm tối ưu hóa cơ hội tăng trưởng và giảm thiểu rủi ro.

Lĩnh vực, ngành nghề dự kiến đầu tư

Với chiến lược đầu tư giá trị, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ sẽ thay đổi theo thời gian tùy vào những biến động và cơ hội xuất hiện trên thị trường. Dự kiến lĩnh vực đầu tư của Quỹ sẽ tập trung vào nhưng không giới hạn ở những ngành nghề sau với tỷ trọng phân bổ theo các nhóm ngành không vượt quá những hạn chế đầu tư theo quy định hiện hành. Các ngành nghề bao gồm:

- | | |
|---------------------------------|--------------------------------|
| - Tài chính - ngân hàng; | - Hàng tiêu dùng; |
| - Thực phẩm - Nước giải khát; | - Bảo hiểm; |
| - Vật liệu - Khai khoáng; | - Hàng hóa công nghiệp; |
| - Cơ sở hạ tầng - Bất động sản; | - Dược phẩm; |
| - Tiện ích công cộng; | - Vận tải; |
| - Năng lượng; | - Dịch vụ; |
| - Bán lẻ; | - Dệt may - Thiết bị phụ tùng. |

Các loại tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư bao gồm:

- Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

- Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - + Đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
 - + Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.
- Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

1.4 . Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở.

1.5 . Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Nhà đầu tư vào Quỹ có thể dễ dàng bán lại chứng chỉ quỹ cho Quỹ vào các ngày giao dịch định kỳ. Tuy nhiên, nếu Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ trong thời gian ngắn sẽ chịu mức phí mua lại được quy định trong Bản cáo bạch của Quỹ. Vì vậy, tùy thuộc vào thị trường, nhu cầu của nhà đầu tư mà nhà đầu tư có thể tự quyết định thời gian đầu tư vào Quỹ.

1.6 . Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được thành lập ngày 14 tháng 02 năm 2023 theo Giấy chứng nhận Đăng ký thành lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.7 . Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 141.555.702.900 VND, tương đương với 14.155.570,29 chứng chỉ quỹ và giá trị tài sản ròng ("NAV") của Quỹ là 172.756.315.189 VND.

1.8 . Chỉ số tham chiếu

Không áp dụng.

1.9 . Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty Quản lý Quỹ phải thông báo đến Nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.

Việc chi trả lợi tức quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Lợi tức phân phối cho Nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật;
- Công ty Quản lý Quỹ được phân chia tài sản của Quỹ cho Nhà đầu tư nhiều hơn lợi nhuận đã thực hiện, nhưng phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không được thấp hơn năm mươi (50) tỷ VND. Kế hoạch, lộ trình thực hiện, quy mô tài sản phân chia, nguồn vốn thực hiện phải được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

- Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

1.10 . Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

2 . SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

2.1 . Cơ cấu tài sản của Quỹ

	30/06/2024	30/06/2023
	%	%
1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	21,21%	18,11%
2. Danh mục chứng khoán	72,68%	58,88%
3. Tài sản khác	6,11%	23,01%
	100%	100%

2.2 . Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	ĐVT	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 14/02/2023 đến ngày 30/06/2023
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	172.756.315.189	101.517.680.079
Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	CCQ	14.155.570,29	9.439.198,03
Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ	VND	12.204	10.755
Giá trị tài sản ròng cao nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	12.591	10.855
Giá trị tài sản ròng thấp nhất của một đơn vị CCQ trong kỳ	VND	10.740	9.937
Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	%	13,63%	7,55%
- Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)		8,97%	4,55%
- Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)		4,66%	3,00%
Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	%	2,43%	2,81%
Tốc độ vòng quay danh mục	%	27,01%	121,20%

2.3 . Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
	%	%
1 năm đến thời điểm báo cáo	13,47%	13,47%
3 năm đến thời điểm báo cáo	Không xác định	Không xác định
Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo	22,04%	15,58%

2.4 . Tăng trưởng hàng kỳ

Thời kỳ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	13,63%	7,55%

3 . MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

3.1 Tình hình kinh tế vĩ mô

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, tăng trưởng GDP ước đạt 6,42%, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 6,58% của 6 tháng đầu năm 2022 trong giai đoạn 2020-2024. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,38%, đóng góp 6%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,51%, đóng góp 44%; khu vực dịch vụ tăng 6,64%, đóng góp 50%. CPI bình quân tăng 4,08% YoY trong nửa đầu năm 2024, cao hơn so với cận dưới mục tiêu 4-4,5% cho năm 2024 của Quốc hội.

Tỷ giá liên ngân hàng USD/VND diễn biến căng thẳng khi liên tục áp sát và vượt ngưỡng bán ra của NHNN tại 25.450 (+4,9% YTD). Dù NHNN đã có động thái can thiệp bằng cách bán thẳng ngoại tệ với khối lượng tương đối lớn (ước tính đã bán ~6 tỷ USD tính đến ngày 26/6), tỷ giá vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 6/2024, FDI đăng ký ở mức 15,18 tỷ USD, tăng 13,1% so với cùng kỳ 2023, FDI giải ngân tăng 8,2% lên 10,84 tỷ USD. Giá trị giải ngân mới vốn đầu tư công 6 tháng đầu 2024 ước đạt gần 30% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao cả năm.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu lũy kế tính đến hết tháng 6/2024 đạt 368,53 tỷ USD, tăng 15,7% so với cùng kỳ năm trước; nhập khẩu ước đạt 178,45 tỷ USD, tăng 17% so với cùng kỳ và xuất khẩu ước đạt 190,08 tỷ USD, tăng 14,5% so với cùng kỳ.

3.2 Tình hình thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong nửa đầu năm có biến động giằng co và được chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn đầu kéo dài đến hết quý I, chỉ số VNIndex tiếp nối xu hướng hồi phục từ cuối 2023 nhờ các động lực đến từ mặt bằng lãi suất thấp và kinh tế phục hồi. Giai đoạn sau, áp lực tỷ giá, xu hướng tăng trở lại của mặt bằng lãi suất huy động, cùng động thái bán ròng của khối ngoại khiến thị trường biến động trồi sụt và điều chỉnh về cuối quý. Tính cho cả nửa đầu 2024, chỉ số VNIndex tăng 10% về điểm số và giá trị giao dịch 6 tháng đầu năm 2024 tăng 83% so với cùng kỳ. Mặt bằng lãi suất thấp tiếp tục là động lực chính giữ nhịp cho thị trường; dòng tiền từ nhà đầu tư cá nhân đang tham gia rất tích cực vào thị trường và hấp thụ hết lực bán ra từ nhà đầu tư nước ngoài.

4 . SỐ LIỆU CHI TIẾT HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

4.1 . Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	1 năm đến thời điểm báo cáo	3 năm đến thời điểm báo cáo	Từ thời điểm thành lập đến thời điểm báo cáo
	%	%	%
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	8,13%	Không xác định	11,79%
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	5,34%	Không xác định	10,25%
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	13,47%	Không xác định	22,04%
Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ	13,47%	Không xác định	15,58%

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ từ lúc thành lập đến 30/06/2024 như sau:



Thay đổi giá trị tài sản ròng

	30/06/2024	30/06/2023	Tỷ lệ thay đổi
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	172.756.315.189	101.517.680.079	70,17%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	12.204	10.755	13,47%

4.2 . Thống kê về Nhà Đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (đơn vị)	Số lượng Nhà Đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị chứng chỉ quỹ nắm	Tỷ lệ nắm giữ
Dưới 5.000	5912	1.371.370,83	9,69%
Từ 5.000 đến 10.000	70	525.365,78	3,71%
Từ trên 10.000 đến 50.000	56	1.087.722,62	7,68%
Từ trên 50.000 đến 500.000	8	912.817,95	6,45%
Trên 500.000	3	10.258.293,11	72,47%
	6.049	14.155.570,29	100%

5 . THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Xu hướng hồi phục lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, FED hạ lãi suất trong nửa cuối năm 2024 và 2025, tăng tốc độ giải ngân đầu tư công... tiếp tục là những thông tin tích cực giúp thị trường tăng điểm trong dài hạn. Tuy nhiên, dưới áp lực lạm phát và tỷ giá, mặt bằng lãi suất trong nước có thể tiếp tục tăng, rủi ro địa chính trị, bầu cử tại các nước lớn... có thể là những thông tin bất lợi cho thị trường. Nhìn chung, thị trường nhiều khả năng sẽ nằm trong xu hướng tăng trưởng trong nửa cuối năm 2024, nhưng những luồng thông tin tốt xấu đan xen có thể khiến thị trường có những nhịp trôi sụt nhất định. Các nhịp điều chỉnh khi xảy ra sẽ là cơ hội tốt để tiếp tục tích lũy thêm tỷ trọng cổ phiếu.

6 . THÔNG TIN KHÁC

Đội ngũ quản lý quỹ

Ông Bạch Thế Phong
Giám đốc Đầu tư

Ông Bạch Thế Phong có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Gia nhập MB Capital vào năm 2015, ông từng đảm nhiệm vị trí Trưởng Bộ phận Tư vấn Đầu tư. Ông Phong là thành viên Hiệp hội CFA (CFA Charter Holder), thành viên của cộng đồng CFA Singapore từ năm 2019.

Ông Hà Anh Tùng
Giám đốc Đầu tư

Ông Hà Anh Tùng có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán. Trước khi gia nhập MB Capital vào năm 2018, ông Tùng là chuyên gia quản lý đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (PVFC) và trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư tại Công ty quản lý quỹ IPA, phụ trách quản lý danh mục đầu tư ủy thác của khách hàng tổ chức.

Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB

Ông Chu Hồng Kiên
Tổng Giám đốc

Ông Chu Hồng Kiên có hơn 11 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng. Trước khi gia nhập MB Capital, ông Kiên từng là Giám đốc Chi nhánh Thủ Đức - Ngân hàng TMCP Quân đội.

Ông Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc

Ông Giang Trung Kiên có trên 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng - Đầu tư. Trước khi gia nhập MB Capital trong vai trò Giám đốc Phân tích, ông Kiên là Giám đốc Phân tích đầu tư của Công ty Chứng khoán FPT và chuyên viên cao cấp phòng Dự án của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Ông Kiên có bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Deakin (Melbourne, Australia) và chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ do UBCKNN cấp.

Ông Giang Trung Kiên hiện đang là Thành viên Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (PGC).

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Ban Đại diện Quỹ

Ông Cedric Pierre Tinguely
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Ông Cedric Pierre Tinguely có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng tài chính và đầu tư. Ông Cedric làm việc tại Ngân hàng Paribas (Thụy Sĩ) trong thời gian từ 1994 - 2001 và gia nhập Bordier & Cie (Thụy Sĩ) kể từ 2001. Năm 2011, Ông Cedric được bổ nhiệm làm Giám đốc giao dịch và quản lý tài sản tại Bordier & Cie (Singapore) và hiện tại đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành, phụ trách Quản lý danh mục đầu tư cấp cao.

Ông Nguyễn Cảnh Dương
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Ông Nguyễn Cảnh Dương tốt nghiệp Cử nhân kế toán tại Đại học Kinh tế Quốc Dân. Ông Dương là đồng sáng lập của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn DCPA, đã trải qua hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán, trong đó có 5 năm công tác tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Ông Dương phụ trách nhiều khách hàng có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp nhà nước và các dự án phi chính phủ, đồng thời tham gia cung cấp dịch vụ kế toán và tư vấn quản trị với tư cách trưởng nhóm có nhiều tập đoàn đa quốc gia.

Bà Đỗ Thị Thu Trang
Thành viên Ban Đại diện Quỹ

Bà Đỗ Thị Thu Trang tốt nghiệp Cử nhân Luật học và Thạc sỹ Luật kinh tế tại Đại học Luật Hà Nội. Bà Trang từng đảm nhiệm công việc tư vấn pháp lý nội bộ; tư vấn về hoạt động đầu tư, giao dịch trên thị trường vốn; quản lý hoạt động pháp chế và tuân thủ tại các tổ chức như Ngân hàng TMCP Quân Đội, Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT, Công ty TNHH Tư vấn TekLaw, Công ty TNHH Tài chính MB Shinsei.



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier- MB Flagship cho kỳ tài chính bán niên năm 2024 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Với sự hiểu biết của chúng tôi trong kỳ tài chính Quỹ đầu tư tăng trưởng Bordier-MB Flagship đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ Mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan. Tại một số thời điểm cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch so Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch, cụ thể như sau:

Tại các kỳ định giá tài sản ròng ngày 10/04/2024, 11/04/2024 tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Tại kỳ xác định giá trị tài sản ròng ngày 14/04/2024, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Quỹ Đầu tư tăng trưởng Bordier-MB Flagship đã được điều chỉnh để đáp ứng hạn mức đầu tư trong thời hạn theo quy định khoản 6, khoản 7 điều 24 thông tư 98/2020/TT-BTC.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Việc phát hành và giao dịch Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận.

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Vũ Minh Hồng

Số: 300724.004/BCTC.KT7

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Quý Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được lập ngày 30 tháng 07 năm 2024, từ trang 14 đến trang 47, bao gồm: Báo cáo thu nhập giữa niên độ, Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ, Báo cáo danh mục đầu tư giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là Công ty Quản lý quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Quý theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư giữa niên độ của Quý Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả thu nhập giữa niên độ, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Quý cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 14 tháng 02 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 28 tháng 07 năm 2023 và ngày 06 tháng 02 năm 2024.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0725-2023-002-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO THU NHẬP GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		19.142.916.382	7.979.035.523
02	1.1 Cổ tức, trái tức được nhận	3	2.636.693.670	741.633.219
03	1.2 Tiền lãi được nhận	4	368.499.537	926.543.829
04	1.3 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	5	5.901.020.559	2.073.391.535
05	1.4 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	6	10.236.702.616	4.237.466.940
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		93.962.192	92.895.799
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	7	93.962.192	92.895.799
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ		1.728.005.994	890.345.549
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở		1.314.911.585	561.928.755
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		137.968.440	116.893.318
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		33.000.000	24.946.429
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở		99.000.000	74.839.286
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		79.200.000	56.571.428
20.8	3.6 Chi phí kiểm toán		22.100.000	22.000.000
0.10	3.7 Chi phí hoạt động khác	8	41.825.969	33.166.333
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		17.320.948.196	6.995.794.175
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		17.320.948.196	6.995.794.175
31	6.1 Lợi nhuận/(lỗ) đã thực hiện		7.084.245.580	2.758.327.235
32	6.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		10.236.702.616	4.237.466.940
40	VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		17.320.948.196	6.995.794.175

Phạm Thị Thu Hương
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024 VND	31/12/2023 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	9	36.760.004.947	18.510.996.762
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		1.760.004.947	4.510.996.762
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng		35.000.000.000	14.000.000.000
120	2. Các khoản đầu tư thuần	10	136.478.059.315	97.794.291.140
121	2.1 Các khoản đầu tư		136.478.059.315	97.794.291.140
121	2.1.1 Các khoản đầu tư cổ phiếu		125.927.691.900	90.243.819.100
121	2.1.2 Các khoản đầu tư trái phiếu		50.367.415	4.550.472.040
121	2.1.2 Tiền gửi có kỳ hạn lớn hơn 3 tháng		10.500.000.000	3.000.000.000
130	3. Các khoản phải thu	11	83.953.735	1.032.036.145
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	238.713.200
133	3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		83.953.735	793.322.945
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		83.953.735	793.322.945
100	TỔNG TÀI SẢN		173.322.017.997	117.337.324.047
Mã số	NGUỒN VỐN			
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư		-	4.247.981.468
316	2. Chi phí phải trả	12	27.472.634	22.000.000
317	3. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ	13	237.905.857	68.777.550
318	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	14	4.982.915	626.632
319	5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	15	295.341.402	194.666.792
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		565.702.808	4.534.052.442
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NÂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ	16	172.756.315.189	112.803.271.605
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		141.555.702.900	105.030.968.200
412	1.1 Vốn góp phát hành		160.259.400.500	111.001.881.400
413	1.2 Vốn góp mua lại		(18.703.697.600)	(5.970.913.200)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		7.158.375.920	1.051.015.232
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	17	24.042.236.369	6.721.288.173
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		12.204	10.740

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30/06/2024	31/12/2023
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		14.155.570,29	10.503.096,82

Phạm Thị Thu Hương
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

STT	CHỈ TIÊU	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
		VND	VND
I.	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ MỞ (NAV) ĐẦU KỲ	112.803.271.605	51.286.679.600
II.	THAY ĐỔI NAV TRONG KỲ	17.320.948.196	6.995.794.175
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ	17.320.948.196	6.995.794.175
II.2	Thay đổi NAV do phân chia lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III.	THAY ĐỔI NAV DO MUA LẠI, PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ	42.632.095.388	43.235.206.304
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ Quỹ	57.882.233.985	43.873.641.502
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ Quỹ	15.250.138.597	638.435.198
IV.	GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ MỞ CUỐI KỲ (IV= I+II+III)	172.756.315.189	101.517.680.079



Phạm Thị Thu Hương
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
			VND	VND	%
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT VÀ UPCOM				
1	ACB	814.200	23.800	19.377.960.000	11,18%
2	CTG	195.021	31.000	6.045.651.000	3,49%
3	DPR	50.000	40.900	2.045.000.000	1,18%
4	IJC	20.000	14.550	291.000.000	0,17%
5	PLX	180.000	40.900	7.362.000.000	4,25%
6	PNJ	38.000	95.500	3.629.000.000	2,09%
7	QNS	140.000	49.000	6.860.000.000	3,96%
8	QTP	885.000	16.700	14.779.500.000	8,53%
9	REE	60.000	62.600	3.756.000.000	2,17%
10	SBT	640.000	11.800	7.552.000.000	4,36%
11	STB	200.000	28.800	5.760.000.000	3,32%
12	TCB	820.000	23.350	19.147.000.000	11,05%
13	TCI	80.837	10.700	864.955.900	0,50%
14	VEA	130.000	44.300	5.759.000.000	3,32%
15	VHM	182.500	37.650	6.871.125.000	3,96%
16	VIB	140.000	21.000	2.940.000.000	1,70%
17	VPB	225.000	18.650	4.196.250.000	2,42%
18	VRE	425.000	20.450	8.691.250.000	5,01%
	Tổng	5.225.558		125.927.691.900	72,65%
II	TRÁI PHIẾU NIÊM YẾT				
1	VHM121024	500	100.734,83	50.367.415	0,03%
	Tổng	500		50.367.415	0,03%
III	CÁC TÀI SẢN KHÁC				
1	Dự thu lãi trái phiếu			796.199	0,00%
2	Dự thu lãi tiền gửi			83.157.536	0,05%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng			10.500.000.000	6,06%
	Tổng			10.583.953.735	6,11%

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 30/06/2024	Tổng giá trị	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ
			VND	VND	%
IV	TIỀN				
1	Tiền gửi không kỳ hạn			1.760.004.947	1,02%
2	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng			35.000.000.000	20,19%
	Tổng			36.760.004.947	21,21%
V	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			173.322.017.997	100%



Phạm Thị Thu Hương
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 14/02/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
01	1. Tiền đã chi mua các khoản đầu tư		(65.724.920.000)	(92.736.475.000)
02	2. Tiền đã thu từ bán các khoản đầu tư		39.174.985.000	16.034.185.000
03	3. Cổ tức đã nhận		3.103.401.400	737.500.000
04	4. Tiền lãi đã thu		611.161.017	634.495.884
06	5. Tiền chi trả phí cho hoạt động Quỹ mở		(1.621.858.750)	(712.440.337)
08	6. Tiền chi thanh toán các chi phí cho hoạt động mua, bán các khoản đầu tư (phí môi giới)		(99.340.460)	(92.195.179)
09	7. Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư		63.800	22.000
10	8. Tiền chi khác từ hoạt động đầu tư		(63.800)	(22.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.556.571.793)	(76.134.929.632)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
21	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ Quỹ mở		58.051.362.292	95.199.898.700
22	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ Quỹ mở		(15.245.782.314)	(638.435.198)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		42.805.579.978	94.561.463.502
40	III. TĂNG/GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		18.249.008.185	18.426.533.870
50	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ		18.510.996.762	-
51	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ		18.510.996.762	-
52	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		18.441.592.580	-
53	Tiền gửi của cho hoạt động mua bán của Nhà đầu tư		69.404.182	-
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	9	36.760.004.947	18.426.533.870
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ		36.760.004.947	18.426.533.870
57	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		36.517.116.175	18.386.956.272
58	Tiền gửi của cho hoạt động mua bán của Nhà đầu tư		242.888.772	39.577.598
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG KỲ		18.249.008.185	18.426.533.870

Phạm Thị Thu Hương
Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở và hoạt động theo Giấy chứng nhận chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 317/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 11 năm 2022 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 02 năm 2023. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ có vốn điều lệ đã huy động được trong đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 51.286.679.600 VND, tương đương với 5.128.667,96 Chứng chỉ Quỹ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà đầu tư vào Quỹ là 141.555.702.900 VND, tương đương với 14.155.570,29 Chứng chỉ Quỹ.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB là công ty con của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 21/UBCK-GPĐCQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2007 và Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 53/GPĐC-UBCK ngày 28 tháng 6 năm 2023.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12 tháng 09 năm 2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16 tháng 06 năm 2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01 tháng 08 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan. Ngân hàng giám sát được chỉ định theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ lưu ký - giám sát ngày 17 tháng 06 năm 2022.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ là tối ưu mức sinh lời trong dài hạn thông qua việc đầu tư linh hoạt, hiệu quả vào các công ty có mô hình kinh doanh bền vững và triển vọng tăng trưởng cao cũng như các tài sản có định giá hấp dẫn theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là toàn bộ các ngày làm việc trong tuần và những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1.4 . Tần suất giao dịch Chứng chỉ Quỹ

Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ vào các ngày làm việc trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6. Nếu ngày giao dịch trùng vào ngày nghỉ lễ thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo:

- a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của Quỹ tại ngân hàng giám sát, không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản sau:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành sau (trừ công cụ nợ của Chính phủ):
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định sau phát hành bởi các công ty trong cùng nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: Công ty mẹ, công ty con, các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó, phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định pháp luật:
 - (i) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
 - (ii) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (iii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;
 - (iv) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
 - (v) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ.
- e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ; Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định như sau (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ:
 - (i) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Chứng chỉ Quỹ đại chúng;

- (iii) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng, trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành;
- (iv) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.
- g) Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- h) Không được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship;
- k) Chỉ được đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý Quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- (i) Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (ii) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào Chứng chỉ Quỹ của một Quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- (iii) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các Chứng chỉ Quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- l) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- m) Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế quy định tại mục a, b, c, d, e, f, k nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan sau:

- Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà đầu tư;
- Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách Quỹ, hợp nhất Quỹ, sáp nhập Quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ điều chỉnh;
- Quỹ đang trong thời gian giải thể.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ

2.1 . Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán, Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư số 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ hoán đổi danh mục và Thông tư số 91/2019/TT-BTC ("Thông tư số 91") ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ chờ phân bổ và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn được ghi nhận theo giá gốc;

- Cổ phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.
- Trái phiếu niêm yết được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền tại ngày trước ngày định giá.
2.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
Trái phiếu		
3.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn trên 3 tháng	Giá yết (giá sạch) bình quân gia quyền trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá mà không có biến động bất thường cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. Trường hợp không có giao dịch mua bán thông thường (outright) nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá hoặc chỉ có giao dịch với giá có biến động bất thường, giá được sử dụng theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá. Biến động bất thường được quy định tại Sổ tay định giá và đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản (là giá có chênh lệch tương đối cao hơn hoặc thấp hơn 3% so với giá của kỳ định giá gần nhất hoặc giá mua trong trường hợp không có giá của kỳ định giá gần nhất);
4.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 tháng trở xuống	Mệnh giá của Trái phiếu cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.

Cổ phiếu		
5.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 3 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.
STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
6.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở Giao dịch Chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, thì được xác định theo thứ tự ưu tiên sau đây: - Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 3 tháng tính đến ngày định giá; - Giá mua trung bình.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, cổ tức được nhận, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi chứng chỉ tiền gửi và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019. Cụ thể:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại Chứng chỉ Quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua Chứng chỉ Quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại Chứng chỉ Quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch Chứng chỉ Quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá đối với các Chứng chỉ Quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành Chứng chỉ Quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành Chứng chỉ Quỹ.
- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá Chứng chỉ Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị Chứng chỉ Quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của Quỹ chia cho tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ. Giá trị Tài sản Ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu để đánh giá lại theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty Quản lý Quỹ

- Giá dịch vụ quản lý là 1,8% một năm tính trên tổng Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ trước ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư cho Quỹ. Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính và trích lập cho các kỳ định giá trong tháng. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

$$\text{Giá dịch vụ quản lý} = 1,8\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \frac{\text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

Giá dịch vụ Ngân hàng giám sát

Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND (Năm triệu đồng) một tháng. Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

$$\text{Giá Dịch vụ Ngân hàng giám sát} = 0,02\% \times \text{Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá} \times \frac{\text{Số ngày thực tế trong kỳ định giá}}{\text{Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)}}$$

Giá dịch vụ Lưu Ký

Giá Dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá Dịch vụ lưu ký = 0,05% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh..., cụ thể:

Giá dịch vụ lưu ký xử lý giao dịch: 150.000 VND/1 giao dịch/1 mã chứng khoán/1 ngày.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Tổng giá trị Tài sản Ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị Quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày trước ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng bao gồm giá dịch vụ cố định hàng tháng là 12.000.000 VND/tháng chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Chi phí thiết lập, duy trì thông tin, giá dịch vụ kết nối, giá dịch vụ cung cấp thông tin giao dịch, thông tin nhà đầu tư, giá dịch vụ thực hiện quyền được miễn. Mức giá dịch vụ trên chưa bao gồm các số tiền khác như giá dịch vụ gửi thư cho nhà đầu tư, giá dịch vụ cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác.

Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý Quỹ bao gồm giá dịch vụ quản lý Quỹ, giá dịch vụ quản trị Quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải đảm bảo tuân thủ mức tối đa 2%/năm tính trên tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Chi phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định khi ký kết hợp đồng kiểm toán.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư.

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại Chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung. Những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám Đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3 . CỐ TỨC, TRÁI TỨC ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Cổ tức	2.548.401.400	737.500.000
Lãi trái phiếu	88.292.270	4.133.219
	2.636.693.670	741.633.219

4 . TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	368.499.537	926.543.829
	368.499.537	926.543.829

5 . LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	31.435.985.000	25.535.211.016	5.900.773.984
Trái phiếu niêm yết	4.500.000.000	4.499.753.425	246.575
	35.935.985.000	30.034.964.441	5.901.020.559

	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023		
	Tổng giá trị bán trong kỳ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi/lỗ bán chứng khoán trong kỳ
	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	16.618.035.000	14.544.643.465	2.073.391.535
	16.618.035.000	14.544.643.465	2.073.391.535

6 . CHÊNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2024 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2024 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2023 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	114.592.536.420	125.927.691.900	11.335.155.480	1.098.101.664	10.237.053.816
Trái phiếu niêm yết	47.322.432	50.367.415	3.044.983	3.396.183	(351.200)
	<u>114.639.858.852</u>	<u>125.978.059.315</u>	<u>11.338.200.463</u>	<u>1.101.497.847</u>	<u>10.236.702.616</u>
Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023					
	Giá trị mua theo sổ kế toán tại ngày 30/06/2023 (VND)	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý tại ngày 30/06/2023 (VND)	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2022 (kỳ NAV) (VND)	Chênh lệch điều chỉnh sổ kế toán kỳ này (kỳ NAV) (VND)
Cổ phiếu niêm yết	51.168.656.535	55.365.250.000	4.196.593.465	-	4.196.593.465
Trái phiếu niêm yết	4.499.753.425	4.540.626.900	40.873.475	-	40.873.475
	<u>55.668.409.960</u>	<u>59.905.876.900</u>	<u>4.237.466.940</u>	<u>-</u>	<u>4.237.466.940</u>

7 . CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023 VND
Phí giao dịch cổ phiếu	93.962.192	91.991.164
Phí giao dịch trái phiếu	-	904.635
	<u>93.962.192</u>	<u>92.895.799</u>

8 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023 VND
Phí ngân hàng	853.335	1.684.109
Phí quản lý thường niên	4.972.634	4.267.938
Chi thù lao Ban Đại diện Quỹ	36.000.000	27.214.286
	<u>41.825.969</u>	<u>33.166.333</u>

9 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở	1.517.116.175	191.811.112
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	237.905.857	68.777.550
Tài khoản thanh toán tiền bán Chứng chỉ Quỹ cho Nhà đầu tư	4.982.915	626.632
Tiền phong tỏa - Mua chứng khoán	-	4.249.781.468
Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	35.000.000.000	14.000.000.000
	36.760.004.947	18.510.996.762

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tiền gửi có kỳ hạn nằm trong khoản mục tiền gửi ngân hàng bao gồm các khoản tiền gửi có thời hạn từ 01 đến 03 tháng với lãi suất từ 2,9 % - 4,25%/năm.

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá mua	Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối kỳ	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
			Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2024					
Cổ phiếu niêm yết	114.592.536.420	125.927.691.900	15.866.570.080	(4.531.414.600)	125.927.691.900
Trái phiếu niêm yết	47.322.432	50.367.415	3.044.983	-	50.367.415
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	10.500.000.000	10.500.000.000	-	-	10.500.000.000
	<u>125.139.858.852</u>	<u>136.478.059.315</u>	<u>15.869.615.063</u>	<u>(4.531.414.600)</u>	<u>136.478.059.315</u>

Tại kỳ định giá tài sản ròng ngày 10/04/2024 và 11/04/2024, tổng giá trị các hàng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của Quỹ vượt quá 40% tổng tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại điểm e khoản 4 điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020. Tại kỳ xác định giá trị tài sản ròng ngày 14/04/2024, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Tăng trưởng Bordier - MB Flagship đã được điều chỉnh để đáp ứng hạn mức đầu tư trong thời gian theo quy định khoản 6, khoản 7 điều 24 thông tư 98/2020/TT-BTC.

Tại ngày 31/12/2023					
Cổ phiếu niêm yết	89.145.717.436	90.243.819.100	3.645.322.006	(2.547.220.342)	90.243.819.100
Trái phiếu niêm yết	4.547.075.857	4.550.472.040	3.396.183	-	4.550.472.040
Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	<u>96.692.793.293</u>	<u>97.794.291.140</u>	<u>3.648.718.189</u>	<u>(2.547.220.342)</u>	<u>97.794.291.140</u>

11 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND
Phải thu tiền bán cổ phiếu	-	238.713.200
Dự thu cổ tức	-	555.000.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết	796.199	26.687.329
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	83.157.536	211.635.616
	<u>83.953.735</u>	<u>1.032.036.145</u>

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	22.500.000	22.000.000
Chi phí quản lý thường niên	4.972.634	-
	<u>27.472.634</u>	<u>22.000.000</u>

13 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND
Phải trả cho nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ	237.905.857	68.777.550
	<u>237.905.857</u>	<u>68.777.550</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền nhận được từ Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ Quỹ hợp lệ và chờ phát hành.

14 . PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ	4.982.915	626.632
	<u>4.982.915</u>	<u>626.632</u>

Phải trả cho Nhà đầu tư Quỹ về mua lại Chứng chỉ Quỹ thể hiện số tiền phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ Quỹ hợp lệ chưa hoàn thiện thông tin thanh toán.

15 . PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỖ

	<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý	256.984.229	154.792.034
Phải trả phí dịch vụ lưu ký	16.357.173	17.874.758
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	5.500.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị	16.500.000	16.500.000
	<u>295.341.402</u>	<u>194.666.792</u>

16 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>14/02/2023</u>	<u>Phát sinh</u>	<u>30/06/2023</u>
	<u>VND</u>	<u>trong kỳ</u>	<u>VND</u>
Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (Chứng chỉ Quỹ) (*)	5.128.667,96	4.371.424,24	9.500.092,20
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.000	10.036	10.017
Giá trị ghi theo mệnh giá	51.286.679.600	43.714.242.400	95.000.922.000
Thặng dư vốn	400	159.398.702	159.399.102
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ	51.286.680.000	43.873.641.102	95.160.321.102
Vốn góp mua lại			
Số lượng (Chứng chỉ Quỹ)	-	60.894,17	60.894,17
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	-	10.484	10.484
Giá trị ghi theo mệnh giá	-	608.941.700	608.941.700
Thặng dư vốn	-	29.493.498	29.493.498
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ	-	638.435.198	638.435.198
Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành	5.128.667,96	4.310.530,07	9.439.198,03
Giá trị vốn góp hiện hành	51.286.680.000	43.235.205.904	94.521.885.904
Lợi nhuận chưa phân phối	-	6.995.794.175	6.995.794.175
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	51.286.680.000		101.517.680.079
Giá trị tài sản ròng trên	10.000		10.755
1 Chứng chỉ Quỹ			

(*) Quỹ được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 29/GCN-UBCK, vốn điều lệ ban đầu của Quỹ tại ngày 14 tháng 02 năm 2023 là 51.286.679.600 VND, tương ứng với 5.128.667,96 Chứng chỉ Quỹ theo mệnh giá là 10.000 Đồng Việt Nam trên một Chứng chỉ Quỹ.

	<u>31/12/2023</u>	<u>Phát sinh</u> <u>trong kỳ</u>	<u>30/06/2024</u>
	VND	VND	VND
Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024			
Vốn góp phát hành			
Số lượng (Chứng chỉ Quỹ)	11.100.188,14	4.925.751,91	16.025.940,05
Giá trị tài sản ròng/CCQ phát hành bình quân	10.134	11.751	10.631
Giá trị ghi theo mệnh giá	111.001.881.400	49.257.519.100	160.259.400.500
Thặng dư vốn	1.482.681.385	8.624.714.885	10.107.396.270
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ	112.484.562.785	57.882.233.985	170.366.796.770
Vốn góp mua lại			
Số lượng (Chứng chỉ Quỹ)	597.091,32	1.273.278	1.870.369,76
Giá trị tài sản ròng/CCQ mua lại bình quân	10.723	11.977	11.577
Giá trị ghi theo mệnh giá	5.970.913.200	12.732.784.400	18.703.697.600
Thặng dư vốn	431.666.153	2.517.354.197	2.949.020.350
Tổng giá trị mua lại Chứng chỉ Quỹ	6.402.579.353	15.250.138.597	21.652.717.950
Số lượng Chứng chỉ Quỹ hiện hành	10.503.096,82	3.652.473,47	14.155.570,29
Giá trị vốn góp hiện hành	106.081.983.432	42.632.095.388	148.714.078.820
Lợi nhuận chưa phân phối	6.721.288.173	17.320.948.196	24.042.236.369
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	112.803.271.605		172.756.315.189
Giá trị tài sản ròng trên 1 Chứng chỉ Quỹ	10.740		12.204
17 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI		<u>30/06/2024</u>	<u>31/12/2023</u>
		VND	VND
Lợi nhuận đã thực hiện		12.704.035.906	5.619.790.326
Lợi nhuận chưa thực hiện		11.338.200.463	1.101.497.847
		24.042.236.369	6.721.288.173
18 . MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH QUỸ MỞ		<u>Từ 01/01/2024</u>	<u>Từ 14/02/2023</u>
Chỉ tiêu		<u>đến 30/06/2024</u>	<u>đến 30/06/2023</u>
Tỷ lệ chi phí hoạt động (%)		2,43%	2,81%
Tốc độ vòng quay danh mục (%)		27,01%	121,20%

Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí là: Tỷ lệ đánh giá chi phí Quỹ mở tính cho 1 đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động * 2 * 100 (%) / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

Những chi phí không bao gồm tính trong chi phí hoạt động của Chỉ tiêu Tỷ lệ chi phí hoạt động, gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái của Quỹ mở (Bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các Nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp (Thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả Thuế Nhà thầu;
- Chi phí mua, chi phí bán Chứng chỉ Quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc mua, bán Chứng chỉ Quỹ.
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho Nhà đầu tư.

Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số vòng quay tài sản đầu tư của Quỹ mở trong 1 kỳ (kỳ tính giá trị tài sản ròng hoặc kỳ kế toán).

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua trong kỳ + Tổng giá trị bán trong kỳ) * 100 (%) / 2 / Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong kỳ.

19 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quỹ có các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết, các khoản phải thu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quỹ. Nợ phải trả tài chính của Quỹ chủ yếu bao gồm các khoản phải trả đại lý phân phối Chứng chỉ Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quỹ không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quỹ để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quỹ chủ yếu liên quan đến tiền và tiền gửi ngân hàng của Quỹ. Những tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quỹ nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quỹ và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty Quản lý Quỹ tin rằng rủi ro lãi suất không có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động của Quỹ.

Độ nhạy đối với lãi suất

Quỹ không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do Quỹ có rủi ro lãi suất rất nhỏ tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Quỹ không có rủi ro tiền tệ do trong kỳ, Quỹ không thực hiện các giao dịch bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết

Các cổ phiếu và trái phiếu đã niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá cổ phiếu và trái phiếu niêm yết bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Đại diện của Quỹ xem xét và phê duyệt tất cả các quyết định đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quỹ là 125.927.691.900 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm (12.592.769.190) đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên 12.592.769.190 đồng Việt Nam tương ứng.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quỹ có rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quỹ ở mức thấp vì các khoản tiền gửi, các khoản phải thu là lãi tiền gửi chưa đến hạn tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh toán, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

20 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 14/02/2023 đến ngày 30/06/2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	14/02/2023	51.286.679.600	5.128.668	10.000	
2	21/02/2023	51.297.665.695	5.128.668	10.002	2
3	22/02/2023	91.871.032.890	9.186.856	10.000	(2)
4	23/02/2023	91.754.632.806	9.187.356	9.987	(13)
5	24/02/2023	91.786.368.281	9.188.011	9.990	3
6	27/02/2023	91.598.416.470	9.188.080	9.969	(21)
7	28/02/2023	91.381.666.754	9.188.085	9.946	(23)
8	01/03/2023	91.526.742.177	9.188.349	9.961	15
9	02/03/2023	91.932.063.401	9.188.339	10.005	44
10	03/03/2023	91.955.864.162	9.188.491	10.008	3
11	06/03/2023	91.620.948.462	9.188.600	9.971	(37)
12	07/03/2023	91.665.207.347	9.188.610	9.976	5
13	08/03/2023	91.760.318.954	9.189.176	9.986	10
14	09/03/2023	92.167.587.357	9.189.275	10.030	44
15	10/03/2023	92.458.439.842	9.190.262	10.060	30
16	13/03/2023	92.241.874.848	9.190.246	10.037	(23)
17	14/03/2023	92.239.494.893	9.190.296	10.037	-
18	15/03/2023	91.601.862.508	9.190.380	9.967	(70)
19	16/03/2023	92.526.439.403	9.190.544	10.068	101
20	17/03/2023	91.913.208.120	9.190.544	10.001	(67)
21	20/03/2023	92.187.538.731	9.190.451	10.031	30
22	21/03/2023	91.325.071.085	9.190.501	9.937	(94)
23	22/03/2023	92.051.361.939	9.190.659	10.016	79
24	23/03/2023	91.993.095.831	9.190.710	10.009	(7)
25	24/03/2023	92.163.314.831	9.190.729	10.028	19
26	27/03/2023	92.364.630.448	9.190.812	10.050	22
27	28/03/2023	92.406.640.030	9.190.812	10.054	4
28	29/03/2023	92.528.034.660	9.192.097	10.066	12
29	30/03/2023	92.659.235.781	9.192.303	10.080	14
30	31/03/2023	92.830.550.711	9.192.493	10.099	19
31	01/04/2023	93.233.167.001	9.190.913	10.144	45
32	03/04/2023	93.232.983.217	9.190.913	10.144	-
33	04/04/2023	93.874.130.678	9.191.373	10.213	69
34	05/04/2023	94.238.771.998	9.199.723	10.244	31
35	06/04/2023	94.584.705.854	9.215.721	10.263	19
36	07/04/2023	94.052.839.654	9.217.087	10.204	(59)
37	10/04/2023	94.128.946.456	9.219.881	10.209	5
38	11/04/2023	94.434.245.387	9.227.796	10.234	25
39	12/04/2023	94.840.927.057	9.231.432	10.274	40
40	13/04/2023	95.274.090.450	9.238.128	10.313	39
41	14/04/2023	94.963.505.960	9.238.884	10.279	(34)
42	17/04/2023	94.024.617.648	9.238.996	10.177	(102)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
43	18/04/2023	94.336.123.714	9.239.279	10.210	33
44	19/04/2023	94.345.873.363	9.241.160	10.209	(1)
45	20/04/2023	93.776.045.611	9.243.005	10.146	(63)
46	21/04/2023	93.649.084.621	9.243.079	10.132	(14)
47	24/04/2023	93.666.787.557	9.242.882	10.134	2
48	25/04/2023	94.062.735.747	9.243.447	10.176	42
49	26/04/2023	93.761.808.511	9.246.854	10.140	(36)
50	27/04/2023	94.086.282.899	9.247.721	10.174	34
51	28/04/2023	94.158.582.621	9.249.210	10.180	6
52	01/05/2023	94.552.570.280	9.250.965	10.221	41
53	02/05/2023	94.553.010.995	9.250.965	10.221	-
54	04/05/2023	94.553.891.755	9.250.965	10.221	-
55	05/05/2023	94.399.969.814	9.251.667	10.204	(17)
56	08/05/2023	94.161.563.655	9.253.879	10.175	(29)
57	09/05/2023	95.119.930.531	9.258.339	10.274	99
58	10/05/2023	95.408.528.288	9.278.793	10.282	8
59	11/05/2023	95.718.097.463	9.280.038	10.314	32
60	12/05/2023	95.678.038.677	9.282.039	10.308	(6)
61	15/05/2023	95.990.434.444	9.278.772	10.345	37
62	16/05/2023	96.001.922.340	9.279.225	10.346	1
63	17/05/2023	96.066.578.437	9.286.456	10.345	(1)
64	18/05/2023	95.570.472.113	9.287.249	10.291	(54)
65	19/05/2023	95.939.692.410	9.290.456	10.327	36
66	22/05/2023	96.513.616.414	9.291.218	10.388	61
67	23/05/2023	97.317.002.846	9.291.602	10.474	86
68	24/05/2023	97.115.405.854	9.292.425	10.451	(23)
69	25/05/2023	96.838.349.467	9.296.512	10.417	(34)
70	26/05/2023	97.088.160.629	9.296.990	10.443	26
71	29/05/2023	97.082.737.309	9.298.445	10.441	(2)
72	30/05/2023	97.464.840.757	9.298.798	10.481	40
73	31/05/2023	97.454.704.619	9.299.463	10.480	(1)
74	01/06/2023	97.421.679.460	9.300.538	10.475	(5)
75	02/06/2023	97.714.724.673	9.311.496	10.494	19
76	05/06/2023	98.700.894.074	9.322.593	10.587	93
77	06/06/2023	99.371.432.421	9.323.502	10.658	71
78	07/06/2023	99.830.588.055	9.338.687	10.690	32
79	08/06/2023	100.207.085.940	9.346.185	10.722	32
80	09/06/2023	99.394.074.138	9.352.700	10.627	(95)
81	12/06/2023	100.149.346.358	9.396.960	10.658	31
82	13/06/2023	100.495.374.661	9.401.054	10.690	32
83	14/06/2023	100.482.898.094	9.406.311	10.682	(8)
84	15/06/2023	100.775.392.695	9.408.976	10.711	29
85	16/06/2023	100.604.870.101	9.405.319	10.697	(14)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
86	19/06/2023	100.618.138.163	9.406.292	10.697	-
87	20/06/2023	100.333.275.885	9.407.403	10.665	(32)
88	21/06/2023	100.749.939.272	9.396.848	10.722	57
89	22/06/2023	101.183.536.255	9.397.151	10.767	45
90	23/06/2023	101.632.152.933	9.399.203	10.813	46
91	26/06/2023	101.696.719.488	9.405.196	10.813	-
92	27/06/2023	101.495.484.440	9.405.702	10.791	(22)
93	28/06/2023	101.781.964.755	9.407.855	10.819	28
94	29/06/2023	102.150.245.739	9.410.540	10.855	36
95	30/06/2023	101.417.661.940	9.425.499	10.760	(95)
96	01/07/2023	101.517.680.079	9.439.198	10.755	(5)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	93.160.669.254
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ	
- Mức thấp nhất trong kỳ	-
- Mức cao nhất trong kỳ	102

Giá trị tài sản ròng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	01/01/2024	112.803.271.605	10.503.096,82	10.740	
2	02/01/2024	112.799.137.304	10.503.096,82	10.740	-
3	03/01/2024	113.062.325.312	10.503.501,16	10.764	24
4	04/01/2024	114.518.723.699	10.542.330,43	10.863	99
5	05/01/2024	115.321.632.412	10.546.720,43	10.934	71
6	08/01/2024	115.399.325.528	10.540.386,84	10.948	14
7	09/01/2024	116.080.052.227	10.549.411,04	11.003	55
8	10/01/2024	116.236.539.301	10.555.601,71	11.012	9
9	11/01/2024	116.321.828.824	10.549.978,88	11.026	14
10	12/01/2024	116.613.398.867	10.571.329,52	11.031	5
11	15/01/2024	116.996.351.093	10.616.895,72	11.020	(11)
12	16/01/2024	119.220.237.794	10.856.959,16	10.981	(39)
13	17/01/2024	119.782.353.902	10.849.551,11	11.040	59
14	18/01/2024	119.766.373.941	10.853.286,14	11.035	(5)
15	19/01/2024	120.268.706.016	10.847.598,42	11.087	52
16	22/01/2024	121.321.200.207	10.852.961,71	11.179	92
17	23/01/2024	121.710.140.298	10.859.731,08	11.207	28
18	24/01/2024	121.514.863.798	10.862.897,72	11.186	(21)
19	25/01/2024	121.330.664.995	10.865.806,65	11.166	(20)
20	26/01/2024	121.095.022.518	10.873.036,82	11.137	(29)
21	29/01/2024	121.651.411.008	10.882.362,11	11.179	42
22	30/01/2024	121.453.109.658	10.869.256,12	11.174	(5)
23	31/01/2024	132.883.082.898	11.865.818,69	11.199	25
24	01/02/2024	131.529.536.327	11.869.299,73	11.081	(118)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
25	02/02/2024	131.969.765.088	11.865.221,16	11.122	41
26	05/02/2024	131.868.958.490	11.871.501,26	11.108	(14)
27	06/02/2024	133.796.974.552	11.874.513,63	11.268	160
28	07/02/2024	134.406.643.401	11.883.548,18	11.310	42
29	13/02/2024	135.916.953.385	11.885.060,62	11.436	126
30	15/02/2024	135.905.283.347	11.885.060,62	11.435	(1)
31	16/02/2024	136.745.682.790	11.923.412,98	11.469	34
32	19/02/2024	137.997.534.505	11.967.855,31	11.531	62
33	20/02/2024	139.655.297.571	11.968.705,59	11.668	137
34	21/02/2024	140.348.439.005	12.006.837,47	11.689	21
35	22/02/2024	141.005.408.180	12.035.372,11	11.716	27
36	23/02/2024	143.205.392.994	12.166.045,95	11.771	55
37	26/02/2024	141.782.854.676	12.196.128,79	11.625	(146)
38	27/02/2024	142.899.819.884	12.206.455,59	11.707	82
39	28/02/2024	145.029.335.145	12.284.771,15	11.806	99
40	29/02/2024	146.419.404.432	12.283.896,41	11.920	114
41	01/03/2024	145.808.038.729	12.307.415,84	11.847	(73)
42	04/03/2024	145.607.802.936	12.280.303,36	11.857	10
43	05/03/2024	146.428.509.925	12.321.469,32	11.884	27
44	06/03/2024	147.669.179.034	12.400.310,69	11.909	25
45	07/03/2024	147.195.823.015	12.443.480,34	11.829	(80)
46	08/03/2024	147.702.061.524	12.472.462,33	11.842	13
47	11/03/2024	145.693.982.468	12.487.777,17	11.667	(175)
48	12/03/2024	145.008.767.879	12.541.850,43	11.562	(105)
49	13/03/2024	146.489.347.979	12.595.629,42	11.630	68
50	14/03/2024	148.870.881.116	12.622.294,25	11.794	164
51	15/03/2024	148.968.247.908	12.631.462,62	11.793	(1)
52	18/03/2024	149.410.557.155	12.650.470,43	11.811	18
53	19/03/2024	148.212.367.635	12.663.432,08	11.704	(107)
54	20/03/2024	149.085.994.539	12.710.998,12	11.729	25
55	21/03/2024	150.595.957.581	12.722.659,45	11.837	108
56	22/03/2024	153.199.045.372	12.731.688,97	12.033	196
57	25/03/2024	153.378.575.799	12.735.256,25	12.044	11
58	26/03/2024	151.954.894.341	12.732.315,43	11.935	(109)
59	27/03/2024	154.243.686.118	12.768.857,39	12.080	145
60	28/03/2024	154.687.057.312	12.791.115,04	12.093	13
61	29/03/2024	156.691.292.691	12.828.425,21	12.214	121
62	01/04/2024	156.648.793.612	12.839.656,15	12.200	(14)
63	02/04/2024	156.536.045.941	12.851.564,53	12.180	(20)
64	03/04/2024	158.296.731.195	13.002.084,03	12.175	(5)
65	04/04/2024	157.616.494.846	13.057.853,84	12.071	(104)
66	05/04/2024	156.639.573.988	13.096.760,71	11.960	(111)
67	08/04/2024	155.638.268.857	13.111.889,05	11.870	(90)
68	09/04/2024	155.234.635.902	13.134.637,75	11.819	(51)
69	10/04/2024	156.746.697.699	13.184.294,39	11.889	70
70	11/04/2024	157.084.085.870	13.226.039,53	11.877	(12)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
71	12/04/2024	156.619.137.869	13.231.836,89	11.837	(40)
72	15/04/2024	159.850.717.463	13.256.251,16	12.059	222
73	16/04/2024	154.215.695.582	13.266.506,79	11.624	(435)
74	17/04/2024	154.567.772.069	13.298.642,78	11.623	(1)
75	19/04/2024	153.122.239.017	13.317.989,11	11.497	(126)
76	22/04/2024	151.194.835.282	13.328.371,30	11.344	(153)
77	23/04/2024	152.997.395.768	13.328.321,22	11.479	135
78	24/04/2024	152.379.430.059	13.339.387,21	11.423	(56)
79	25/04/2024	155.132.850.289	13.365.250,33	11.607	184
80	26/04/2024	154.435.323.450	13.376.268,03	11.545	(62)
81	30/04/2024	154.941.554.125	13.381.401,05	11.579	34
82	01/05/2024	154.932.189.638	13.381.401,05	11.578	(1)
83	02/05/2024	154.924.251.556	13.381.401,05	11.578	-
84	03/05/2024	157.074.524.144	13.388.000,72	11.732	154
85	06/05/2024	158.616.399.560	13.410.607,09	11.828	96
86	07/05/2024	160.260.341.926	13.423.329,64	11.939	111
87	08/05/2024	161.108.384.763	13.454.515,32	11.974	35
88	09/05/2024	161.838.926.451	13.465.037,13	12.019	45
89	10/05/2024	161.973.384.953	13.498.401,99	11.999	(20)
90	13/05/2024	162.263.797.293	13.524.040,61	11.998	(1)
91	14/05/2024	161.741.244.284	13.518.471,93	11.964	(34)
92	15/05/2024	161.468.610.641	13.520.061,26	11.943	(21)
93	16/05/2024	162.177.460.407	13.530.450,42	11.986	43
94	17/05/2024	164.405.915.486	13.530.017,75	12.151	165
95	20/05/2024	164.647.020.587	13.537.625,26	12.162	11
96	21/05/2024	164.615.866.109	13.527.195,37	12.169	7
97	22/05/2024	165.270.142.586	13.571.164,61	12.178	9
98	23/05/2024	164.409.011.423	13.581.643,01	12.105	(73)
99	24/05/2024	167.112.237.716	13.571.678,21	12.313	208
100	27/05/2024	166.325.860.554	13.542.660,51	12.282	(31)
101	28/05/2024	167.565.831.723	13.538.470,66	12.377	95
102	29/05/2024	168.346.940.743	13.536.403,76	12.437	60
103	30/05/2024	166.905.950.948	13.549.640,44	12.318	(119)
104	31/05/2024	167.622.782.074	13.630.390,93	12.298	(20)
105	01/06/2024	167.897.768.513	13.619.879,39	12.327	29
106	03/06/2024	167.879.277.044	13.619.879,39	12.326	(1)
107	04/06/2024	170.010.302.051	13.629.919,13	12.473	147
108	05/06/2024	171.545.467.406	13.766.370,46	12.461	(12)
109	06/06/2024	171.753.091.028	13.767.352,71	12.475	14
110	07/06/2024	173.980.509.314	13.887.921,50	12.527	52
111	10/06/2024	175.145.280.107	13.969.996,13	12.537	10
112	11/06/2024	175.196.623.304	13.985.180,07	12.527	(10)
113	12/06/2024	175.707.029.137	14.038.653,62	12.516	(11)
114	13/06/2024	176.841.422.513	14.051.045,59	12.586	70
115	14/06/2024	177.004.086.138	14.058.002,06	12.591	5
116	17/06/2024	175.144.203.112	14.070.054,33	12.448	(143)

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng Chứng chỉ Quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
117	18/06/2024	175.437.494.498	14.138.100,18	12.409	(39)
118	19/06/2024	175.804.875.005	14.113.760,09	12.456	47
119	20/06/2024	175.493.188.175	14.101.602,83	12.445	(11)
120	21/06/2024	176.293.299.617	14.106.478,96	12.497	52
121	24/06/2024	176.297.319.800	14.110.090,17	12.494	(3)
122	25/06/2024	173.708.692.660	14.122.039,48	12.301	(193)
123	26/06/2024	174.011.744.607	14.105.649,55	12.336	35
124	27/06/2024	174.526.447.535	14.110.291,66	12.369	33
125	28/06/2024	173.694.830.362	14.151.865,84	12.274	(95)
126	01/07/2024	172.756.315.189	14.155.570,29	12.204	(70)

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	149.983.282.512
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị Chứng chỉ Quỹ trong kỳ	
- Mức thấp nhất trong kỳ	-
- Mức cao nhất trong kỳ	435

21 . SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	30/06/2024 CCQ	31/12/2023 CCQ
Số lượng Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành	14.155.570,29	10.503.096,82

22 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

23 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	Bên liên quan của Công ty Quản lý Quỹ/ Đại lý phân phối

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký Quỹ	1.594.758.877	792.220.664
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	1.314.911.585	561.928.755
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	269.968.440	216.679.033
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)	9.878.852	13.612.876
Phí ngân hàng	853.335	1.684.109
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	853.335	1.684.109
Lãi tiền gửi	11.754.333	236.002.731
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	11.754.333	236.002.731
Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:	30/06/2024	31/12/2023
	VND	VND
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.860.275	945.205
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	2.860.275	945.205
Phải trả về phí quản lý Quỹ mở	256.984.229	154.792.034
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư MB	256.984.229	154.792.034
Phải trả về phí dịch vụ giám sát, quản trị, giao dịch và lưu ký Quỹ	38.357.173	39.874.758
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	38.357.173	39.874.758
Tiền gửi thanh toán và tiền gửi phong tỏa	1.517.116.175	4.441.592.580
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	1.517.116.175	4.441.592.580
Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán Chứng chỉ Quỹ	242.888.772	69.404.182
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	242.888.772	69.404.182
Tiền gửi có kỳ hạn	12.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	12.000.000.000	5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ MB
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG BORDIER - MB FLAGSHIP
Tầng 12, Toà nhà 21 Cát Linh, Phường Cát Linh,
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024
đến ngày 30/06/2024

Thù lao của Ban đại diện Quỹ	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 14/02/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Thù lao của Ban đại diện Quỹ	36.000.000	27.214.286

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ kế toán và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Quỹ đầu tư.

24 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Quỹ được thành lập ngày 14 tháng 02 năm 2023. Kỳ kế toán hiện hành áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong khi đó kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày số liệu tương ứng là từ ngày 14 tháng 02 năm 2023 đến ngày 30 tháng 06 năm 2023. Theo đó, số liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo soát xét có liên quan không so sánh được với số liệu của kỳ kế toán hiện tại do khác biệt về kỳ báo cáo.


Phạm Thị Thu Hương
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng


Giang Trung Kiên
Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB
Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2024
